

Số: 358/2019/QĐST-HNGĐ

Quận H, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 85 Luật Hôn nhân và  
Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và  
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 493/2019/TLST-HNGĐ  
ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”,  
gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Bà Phạm Thùy T, sinh năm: 1981;

Địa chỉ thường trú: 16, NTT, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí  
Minh.

Nơi cư trú: 82, Đường T, Tổ 29, Khu phố 4, phường BTT, Quận H, Thành  
phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1980;

Địa chỉ thường trú: 16, NTT, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí  
Minh.

Nơi cư trú: 82, Đường T, Tổ 29, Khu phố 4, phường BTT, Quận H, Thành  
phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú  
tại Quận H. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1  
Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông  
Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thùy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án  
nhân dân Quận H.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngày 09/10/2019, ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thùy T cùng ký đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận H công nhận thuận tình ly hôn vì trong thời gian chung sống, cả hai bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Hai bên đã không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Trong quá trình thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông C và bà T đoàn tụ nhưng không thành. Qua yêu cầu của ông C và bà T xét thấy: ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thùy T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 119/2014, Quyền số: 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/8/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông C và bà T có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do không hợp nhau, mâu thuẫn về mọi mặt nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Ông C và bà T đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con.

Xét mâu thuẫn giữa ông C và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông C và bà T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét giữa ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thùy T có 01 con chung tên: Nguyễn Phạm Chí Dũng, sinh ngày 17/02/2016. Ông C và bà T cùng thỏa thuận: giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

Xét sự thỏa thuận trên của ông C và bà T không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thùy T tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thùy T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 119/2014, Quyền số: 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/8/2014).

- Về con chung: Ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thùy T có 01 con chung tên: Nguyễn Phạm Chí Dũng, sinh ngày 17/02/2016. Ông C và bà T cùng thỏa thuận: Giao trẻ Nguyễn Phạm Chí Dũng cho bà Phạm Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi quyết định có hiệu lực thi hành, ông C phải giao trẻ Nguyễn Phạm Chí Dũng cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hai bên thi hành việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 25 đến ngày 30 dương lịch hàng tháng; bắt đầu thực hiện từ tháng 11 năm 2019.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng ông C phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Không có.

**2.** Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thùy T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0016930 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận H;
- UBND P.TSN, quận TP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Muôn**